TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ V **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2024/HS-ST
Ngày 08-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ V, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lại
Ông Nguyễn Quang Kim

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Toà án nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Văn Chúc- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hình sự thụ lý số 143/2024/TLST- HS ngày 21 tháng 6 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2024/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Th, sinh năm 1984; tại huyện H, tỉnh Bắc Giang

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Th; và bà: Đặng Thị Kh; có vợ: Nguyễn Thị D và 03 con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2020; **tiền án, tiền sự:** không:

Nhân thân: Bản án số 75/2017/HSST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù về tội "Đánh bạc" nhưng cho hưởng án treo. Bị cáo chấp hành xong bản án năm 2019.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

2.**Trịnh Xuân Ch**, sinh năm 1971; tại huyện H, tỉnh Bắc Giang

Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố D. Thị trấn Th, huyện H, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Xuân Ph; và bà: Nguyễn Thị G; có vợ: Nguyễn Thị Nh và 01 con sinh năm 2014; **tiền án, tiền sự, nhân thân:** không:

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (có mặt).

-*Bị hại*: Ông Giáp Văn Qu, sinh năm 1958; cư trú tại: Thôn K, xã V1, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (chết)

-*Người đại diện hợp pháp của bị hại*:

1. Bà Phạm Thị C, sinh năm 1959- Là vợ

2. Anh Giáp Văn M, sinh năm 1987- Là con

3.Anh Giáp Văn M, sinh năm 1989- Là con

Cùng cư trú tại: Thôn K, xã V1, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

4. Chị Giáp Thị M, sinh năm 1985- Là con

Cư trú tại: Ph, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

5.Chị Giáp Thị M, sinh năm 1992- Là con

Cư trú tại: Tổ dân phố Q, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

-*Người đại diện ủy quyền của người đại diện hợp pháp của bị hại*: Anh Giáp Văn M, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn K, xã V1, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Công ty TNHH Th Thái Nguyên; địa chỉ: Tổ dân phố Tr, phường T, thành phố Ph, tỉnh Thái Nguyên; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân T- Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

2. Anh Thân Văn T, sinh năm (vắng mặt).

Cư trú tại: Thôn Đ, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

- *Người làm chứng*: Anh Đoàn Văn Ph (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Xuân Ch, sinh năm 1971, trú tại tổ dân phố D, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Bắc Giang làm nghề kinh doanh vận tải tư nhân, không thành lập Công ty. Ngày 10/5/2023, Ch mua lại xe ô tô khách nhãn hiệu Huyndai, biển kiểm soát 20B- 001.96 (viết tắt là xe ô tô biển kiểm soát 20B- 001.96), loại xe 47 chỗ ngồi (đăng ký xe mang tên Công ty trách nhiệm hữu hạn Th Thái Nguyên, địa chỉ ở xóm Gi, xã H, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên) từ một người đàn ông ở tỉnh Thái Nguyên, không làm hợp đồng chuyển nhượng. Ch biết rõ xe ô tô sản xuất năm 2002, đăng ký lần đầu ngày

20/11/2007, hết niên hạn sử dụng ngày 31/12/2022. Mục đích Ch mua chiếc xe ô tô khách trên để làm dịch vụ chở thuê công nhân đi làm việc. Trịnh Xuân Ch thuê Nguyễn Văn Th, sinh năm 1984, trú tại thôn T, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang (có giấy phép lái xe ô tô hạng E) điều khiển xe ô tô trên chở công nhân từ huyện H xuống Khu công nghiệp ở huyện V (nay là thị xã V) làm việc rồi lại chở quay lại huyện H; cả hai chỉ thỏa thuận miệng, không làm hợp đồng bằng văn bản.

Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 12/7/2023, Th điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 20B- 001.96 chở công nhân đi trên Quốc lộ 37, hướng thị trấn B (nay là phường B) đi huyện H (là đường ưu tiên) tới khu vực ngã tư đường giao nhau với đường đi xã H và đường đi thôn K, xã V1 (đường nhánh), hai đầu đoạn đường cắm biển báo giao nhau với đường không ưu tiên, thuộc địa phận thôn K, xã V1, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Trong khu vực đường giao nhau có ông Giáp Văn Q, sinh năm 1985, trú tại thôn K, xã V1, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Naori biển kiểm soát 98L5-8500 (viết tắt là xe mô tô biển kiểm soát 98L5-8500) đi từ đường xã H qua đường Quốc lộ 37 vào thôn K, xã V1 (từ bên trái sang bên phải đường theo hướng đi của Th). Nguyễn Văn Th điều khiển xe ô tô khách biển kiểm soát 20B- 001.96 đi vào khu vực ngã tư với tốc độ Th khai khoảng 40km/giờ, thiếu chú ý quan sát, không làm chủ tốc độ và tay lái xe ô tô nên để phần bên trái đầu xe ô tô va chạm vào phần sườn bên phải xe mô tô do ông Q điều khiển tại ngã tư đường giao nhau. Sau va chạm giao thông, Th đỗ xe ô tô ở rìa đường, xe mô tô bị đổ, ông Q ngã ra đường. Hậu quả: ông Q bị thương tích nặng, được đưa cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, Bệnh viện hữu nghị Việt Đức, ngày 22/7/2023 tử vong, hai phương tiện bi hư hỏng một phần.

Sau khi nhận được tin báo về vụ tai nạn giao thông nêu trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V (nay thị xã V) thành lập đoàn khám nghiệm, tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện liên quan đến vụ tai nạn và khám nghiệm tử thi, trưng cầu giám định nguyên nhân chết của ông Giáp Văn Q và giám định Cơ chế hình thành dấu vết trong vụ tai nạn giao thông.

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Đoạn đường xảy ra tai nạn giao thông là ngã tư đường giao nhau giữa đường Quốc lộ 37 và đường thôn K, xã V1 đi xã H, thuộc địa phận thôn K, xã V1, huyện (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang; Đường Quốc lộ 37 có mặt đường được trải nhựa thẳng, phẳng rộng 11m; Theo hướng từ thị trấn B (nay là phường B) đi huyện H, bên phải đường có lối rẽ đi vào thôn K, xã V1 rộng 10,50m, bên trái đường là lối rẽ đi ra cánh đồng của Thôn K và đi xã H, huyện V (thị xã V) rộng 6,50m; Hai đầu đoạn đường cắm biển báo nguy hiểm "giao nhau với đường

không ưu tiên"; Biển báo nguy hiểm "giao nhau với đường không ưu tiên" cách mép đường vào thôn Kép là 43,20m; Góc phải đầu lối rẽ từ đường Quốc lộ 37 đi vào thôn Kép được xác định là điểm mốc của hiện trường vụ tai nạn; Phải, trái hiện trường vụ tai nạn giao thông được xác định theo chiều đi từ thị trấn B (nay là phường B) đi huyện H theo đường Quốc lộ 37, lấy mép trái đường nhựa làm chuẩn; Trên hiện trường để lại:

Vết trượt xước trên mặt đường nhựa (ký hiệu số 1), kích thước (11,10 x 0,02)m, chiều hướng từ thị trấn B (nay là phường B) đi H, điểm đầu cách mép trái đường nhựa 6,95m, điểm cuối nằm dưới vị trí đầu để chân trước bên trái xe mô tô biển biểm soát 98L5-8500 và cách mép trái đường nhựa 11m.

Xe mô tô biển kiểm soát 98L5- 8500 (ký hiệu số 2) đổ nghiêng trái tại mép phải đường nhựa, trên vị trí tương ứng điểm cuối vết trượt xước ký hiệu số 1, đầu xe hướng thị trấn B (nay là phường B) chếch bên phải đường nhựa, đuôi xe hướng huyện H chếch bên trái đường nhựa, trục bánh xe phía trước cách mép trái đường nhựa 11,15m, trục bánh xe phía sau cách mép trái đường nhựa là 10,70m.

Xe ô tô biển kiểm soát 20B- 001.96 (ký hiệu số 3) đỗ trên mặt đường nhựa, đầu xe hướng huyện H và đè lên một phần xe mô tô biển kiểm soát 98L5- 8500, đuôi xe hướng thị trấn B (nay là phường B), trục bánh xe phía trước bên trái cách mép trái đường nhựa 9,87m và cách trục bánh xe phía sau xe mô tô biển kiểm soát 98L5- 8500 là 2,70m, trục bánh xe phía sau bên trái cách mép trái đường nhựa là 8,10m và cách điểm đầu vết trượt xước ký hiệu số 1 là 2,65m về hướng huyện H.

Khoảng cách từ điểm đầu vết trượt xước ký hiệu số 1 đến góc phải đầu lối rẽ đi vào cổng thôn K được xác định điểm mốc của hiện trường là 5,40m; khoảng cách đến góc trái đầu lối rẽ đi ra cánh đồng thôn K và xã H là 7,40m. Quá trình khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra thu giữ hai phương tiện giao thông nêu trên để phục vụ công tác điều tra vụ tai nạn giao thông.

Kết quả khám nghiệm xe mô tô biển kiểm soát 98L5 -8500 (màu đỏ), thể hiện: Xe không có gương chiếu hậu bên phải; Mặt gương chiếu hậu bên trái bật rời khỏi xe; Tay lái bên phải để lại vết mài sát cao su, bám tạp chất màu đỏ, kích thước (0,04 x 0,03)m, tâm cách đất 0,98m; Tay phanh bên phải để lại vết mài sát kim loại, bám tạp chất màu đỏ, kích thước (0,05 x 0,01)m, tâm cách đất 0,92m; Cần chân gương bên phải bám tạp chất màu đỏ, kích thước (0,03 x 0,01)m, tâm cách đất 0,99m; Cánh yếm trong bên phải để lại vết tì nén nứt vỡ nhựa, mặt ngoài mài sát bám tạp chất màu ghi, kích thước (0,50 x 0,19)m, tâm cách đất 0,46m; Mặt ngoài giảm sóc trước bên phải để lại vết mài sát, bám tạp chất màu đỏ, kích thước (0,20 x 0,02)m, tâm cách đất 0,30m;

Đuôi chắn bùn bánh trước bị tì nén, vỡ khuyết, kích thước (0,31 x 0,06)m, tâm cách đất 0,44m; Đầu để chân trước bên phải bị mài sát, bám dính tạp chất màu đỏ, kích thước (0,02 x 0,02)m, tâm cách đất 0,28m; Lốc máy bên phải bị nứt vỡ nhựa bám tạp chất màu đỏ, kích thước (0,13 x 0,09)m, tâm cách đất 0,33m; Ốp nhựa bảo vệ bên phải hệ thống máy bật rời khỏi xe; Ốp nhựa sườn xe bên phải bị nứt vỡ, kích thước (0,30 x 0,12)m, tâm cách đất 0,60m; Để chân sau bên phải bị gãy rời khỏi xe; Giá đỡ để chân sau bên phải bị mài sát mòn kim loại bám tạp chất màu đỏ, kích thước (0,15 x 0,04)m, tâm cách đất 0,35m; Bô xe bị tì nén, bẹp lõm kim loại, bám tạp chất màu đỏ, kích thước (0,07 x 0,05)m, tâm cách đất 0,23m; Cần khởi động bên phải gãy bật rời khỏi xe; Mặt ngoài thanh đỡ bên phải bánh sau bị bẹp lõm kim loại, kích thước (0,10 x 0,04)m, tâm cách đất 0,29m; Đầu tay lái bên trái bị mài sát mòn cao su, kích thước (0,03 x 0,02)m, tâm cách đất 0,87m; Đầu để chân trước bên trái bị mài sát kim loại, kích thước (0,03 x 0,03)m. Để chân sau bên trái gãy rời khỏi xe; Đèn hậu bật khớp nối.

Kết quả khám nghiệm xe ô tô khách biển kiểm soát 20B- 001.96 (màu trắng- đỏ) thể hiện: Góc bên trái kính chắn gió trước bị tì nén, rạn nứt, kích thước (0,60 x 0,50)m, điểm thấp nhất cách đất 1,48m; Trán xe để lại 02 vết tì nén: vết thứ nhất: bẹp lõm, rạn nứt nhựa, kích thước (0,25 x 0,25)m, tâm cách đất 1,30m; vết thứ hai: mài sát mòn nhựa, hở lõi sắt, bám tạp chất màu đen, kích thước (0,16 x 0,03)m, tâm cách đất 1,13m; Đèn pha trước bên trái bị tì nén, nứt vỡ, kích thước (0,34 x 0,11)m, tâm cách đất 0,91m; Góc bên trái ba đờ sốc trước bị tỳ nén, mài sát, nứt vỡ nhựa, mặt ngoài bám tạp chất màu đỏ, kích thước (0,96 x 0,40)m, tâm cách đất 0,55m; Góc bên trái phía dưới ốp bảo vệ bên trái đầu xe để lại vết tì nén, cong vênh kim loại, bám tạp chất màu đỏ, kích thước (0,30 x 0,05)m, tâm cách đất 0,36m.

Kết quả khám nghiệm tử thi ông Giáp Văn Q thể hiện: Vùng trán hai bên và vùng đỉnh có diện sưng nề, bầm tím da, kích thước (12 x 08)cm; Thái dương và phía sau tai phải có diện bầm tím da, kích thước (06 x 05)cm. Thái dương và má trái có diện bầm tím da, kích thước (11 x 06)cm; Hai lỗ mũi và miệng có dịch màu hồng chảy từ trong ra khi thay đổi tư thế; Vùng ngực hai bên trên đường nách giữa có vết rạch đặt dẫn lưu khoang màng phổi còn chảy dịch màu hồng, kích thước (02 x 0,5)cm; Vùng lưng trái có diện bầm tím da, kích thước (08 x 06)cm; Sờ nắn thấy gãy cung trước xương sườn 2, 3 bên phải; các xương sườn từ số 2 đến số 7 bên trái; Thăm dò khoang lồng ngực hai bên bằng bơm kim tiêm thấy có nhiều dịch màu hồng lẫn dịch bọt.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 1482/KLGĐTT-KTHS, ngày 11/8/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận nguyên nhân chết của ông Giáp Văn Q: Chấn thương sọ não, chấn thương ngực kín.

Tại Bản kết luận giám định số1575/KL-KTHS ngày 24/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

"1.Dấu vết mài sát sơn, nhựa, bám dính chất màu đen (dạng cao su) tại ốp nhựa bên trái đầu xe ô tô biển kiểm soát 20B - 001.96, có chiều hướng từ trước ra sau, từ trên xuống dưới (ảnh số 8 bản ảnh khám phương tiện) phù hợp với dấu vết chùn cong, mài sát cao su, kim loại, bám dính chất màu đỏ (dạng sơn) tại đầu tay nắm và tay phanh bên phải của xe mô tô biển kiểm soát 98L5 - 8500, có chiều hướng tử phải sang trái (ảnh số 5, 6 bản ảnh khám phương tiện).

Dấu vết nứt vỡ, mài sát sơn, nhựa, bám dính chất màu đỏ (dạng sơn) tại bên trái ba đờ sốc trước của xe ô tô biển kiểm soát 20B - 001.96, có chiều hướng từ trước ra sau (ảnh số 11, 12, 13 bản ảnh khám phương tiện) phù hợp với dấu vết hằn lõm, nứt vỡ, mài sát sơn, nhựa, kim loại, bám dính chất màu đỏ, xám (dạng sơn) tại bên phải của xe mô tô biển kiểm soát 98L5 - 8500 gồm: cánh yếm, đầu dưới giảm sóc trước, 1/2 sau chắn bùn bánh trước, để chân trước, vỏ máy, ốp sườn, để chân sau và ống xả (ảnh số 8 đến 14 và ảnh số 17 bản ảnh khám phương tiện).

2. Dấu vết mài sát cao su, khuyết kim loại, bám dính chất màu trắng (dạng bột đá) tại bên trái của xe mô tô biển kiểm soát 98L5 - 8500 gồm: đầu tay nắm, để chân trước, để chân sau (ảnh số 15, 16, 18 bản ảnh khám phương tiện) được hình thành do va chạm với vật tày có bề mặt không nhẵn (như mặt đường) tạo nên. Các dấu vết trên phù hợp với quá trình sau khi va chạm, xe mô tô biển kiểm soát 98L5 - 8500 đổ nghiêng trái, rê trượt trên mặt đường tạo nên dấu vết trượt xước ký hiệu số 1 trên hiện trường.

3. Vị trí va chạm giữa xe ô tô biển kiểm soát 20B - 001.96 với xe mô tô biển kiểm soát 98L5 - 8500 trên mặt đường tại trước điểm đầu dấu vết trượt xước ký hiệu số 1, ở khu vực giữa đường không xác định được thuộc chiều chuyển động bên phải hay bên trái (tính theo hướng B đi H).

4. Chiều hướng va chạm: tại thời điểm xảy ra va chạm xe ô tô biển kiểm soát 20B - 001.96 chuyển động theo hướng B đi H va chạm với xe mô tô biển kiểm soát 98L5 - 8500 ở phía trước, đầu xe hướng sang bên phải (tính theo chiều chuyển động của xe ô tô biển kiểm soát 20B - 001.96).

5. Không xác định được tốc độ của hai phương tiện tại thời điểm xảy ra tại nạn qua dấu vết cơ học."

Tại Bản Kết luận giám định ngày 04/01/2024 của Cục đăng kiểm Việt Nam – Bộ Giao thông vận tải kết luận: "Tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông (ngày 12/07/2023) chiếc xe ô tô khách mang biển kiểm soát 20B-001.96 đã hết niên hạn theo quy định tại nghị định số 95/2009/NĐ-CP ngày 30/10/2009 của Thủ tướng Chính phủ và không đủ điều kiện tham gia giao thông."

Tại Bản kết luận giám định số 3283/KL-KLGĐ ngày 23/5/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: **"**Tình trạng an toàn kỹ thuật của xe ô tô nhãn hiệu Huynhdai, đeo biển kiểm soát 20B – 001.96 tại thời điểm ngay trước khi xảy ra tai nạn như sau: Hệ thống phanh không đảm bảo an toàn kỹ thuật do màng phanh bên trái, trục I lắp đặt không kín khít dẫn tới dò khí nén. Hệ thống lái không đảm bảo an toàn kỹ thuật do độ rơ vô lăng lái vượt quá giới hạn cho phép. Các đèn chiếu sáng phía trước và còi hoạt động."

Tại Kết luận định giá tài sản số 185 ngày 12/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V (nay là thị xã V) kết luận: Tổng giá trị các bộ phận hư hỏng của xe mô tô biển kiểm soát 98L5 -8500 là 2.050.000 đồng, xe ô tô khách biển kiểm soát 20B- 001.96 là 8.800.000 đồng.

Tại phiếu đo nồng độ cồn ngày 13/7/2023 của Công an huyện Việt Yên (nay là thị xã Việt Yên) đối với Nguyễn Văn Th, thể hiện trong hơi thở không có nồng độ cồn.

Cáo trạng số 151/CT- VKS ngày 14 tháng 6 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã V truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trịnh Xuân Ch về tội "*Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 262 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, các bị cáo không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng về tội danh Viện kiểm sát truy tố.

Bị cáo Th khai: Ngày 12 tháng 7 năm 2023 bị cáo Ch nhờ bị cáo lái xe ô tô BKS 20B- 001.96 đi từ khu công nghiệp V về H, trên xe có một số công nhân đi nhờ. Đến ngã tư bị cáo không làm chủ tốc độ nên va chạm với xe mô tô do ông Q điều khiển làm ông Q ngã và chết. Nguyên nhân ông Q chết là do bị cáo không chấp hành báo hiệu đường bộ, không làm chủ tốc độ và tay lái, thiếu chú ý quan sát dẫn đến xe ô tô do bị cáo điều khiển va chạm vào xe mô tô do ông Quảng điều khiển.

Bị cáo Ch khai: Bị cáo không hành nghề kinh doanh vận tải. Bị cáo mua xe ô tô BKS 20B- 001.96 ở Thái Nguyên mục đích là về tháo phụ tùng thay cho xe khác. Khi mua không có giấy tờ mua bán. Ngày 12/7/2023 bị cáo nhờ Th lái xe từ khu công nghiệp về H, bị cáo không ký hợp đồng lao động với Th. Bị cáo biết là xe ô tô không

đủ điều kiện tham gia giao thông nhưng vẫn nhờ Th lái xe dẫn đến tai nạn. Bị cáo không yêu cầu Th bồi thường.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã V giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 05 tháng tù về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 02 năm 10 tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã L giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm a Khoản 1, khoản 4 Điều 262; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Xuân Ch từ 10 tháng đến 12 tháng tù về tội Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án. Cấm bị cáo Chín hành nghề kinh doanh vận tải từ 01 năm đến 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo Trịnh Xuân Ch cho Ủy ban nhân dân thị trấn Th giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016 Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng*: Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Sự vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình. Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường; kết quả khám nghiệm các phương tiện có liên quan đến vụ tai nạn; Kết quả khám nghiệm tử thi; Kết luận giám định pháp y về tử thi số 1482/KLGĐTT- KTHS ngày 11 tháng 8 năm 2023 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bắc Giang; Kết luận giám định ngày 04/01/2024 của Cục đăng kiểm Việt Nam- Bộ giao thông vận tải; Kết luận giám định số 3283/KL- KLGĐ ngày 23/5/2024 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận:

Trịnh Xuân Ch biết rõ xe ô tô khách nhãn hiệu Huyndai, biển kiểm soát 20B-001.96 của Chín đã hết niên hạn sử dụng ngày 31/12/2022, không bảo đảm an toàn kỹ thuật, không được phép tham gia giao thông nhưng vẫn thuê và giao xe ô tô trên cho Nguyễn Văn Th điều khiển tham gia giao thông để chở công nhân (vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 8 Luật giao thông đường bộ).

Khoảng 19 giờ 20 phút ngày 12/7/2023, Nguyễn Văn Th (đã có giấy phép lái xe ô tô hạng E) điều khiển xe ô tô khách biển kiểm soát 20B- 001.96 do Chín giao cho, đi trên đường Quốc lộ 37, hướng thị trấn B đi huyện H tới khu vực ngã tư đường giao nhau với đường nhánh đi xã H và đường đi thôn K, xã V thuộc địa phận thôn K, xã V2, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang; hai đầu đoạn đường theo chiều đi của Th, có cắm biển báo giao nhau với đường không ưu tiên. Th không chấp hành báo hiệu đường bộ, không làm chủ tốc độ và tay lái, thiếu chú ý quan sát (vi phạm Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật giao thông đường bộ) nên để phần bên trái đầu xe ô tô va chạm vào phần sườn bên phải xe mô tô biển kiểm soát 98L5 -8500 do ông Giáp Văn Q, sinh năm 1958, trú tại thôn K, xã H, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang điều khiển đi từ đường nhánh vào ngã tư đường giao nhau để đi qua đường Quốc lộ 37 (hướng trái sang phải theo chiều đi của Thạo). Hậu quả, ông Q bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện sau đó tử vong; hai phương tiện giao thông bị hư hỏng với tổng giá trị thiệt hại 10.850.000đồng.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Th đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Hành vi của bị cáo Trịnh Xuân Ch đủ yếu tố cấu

thành tội "Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn". Cáo trạng số 151/CT- VKS ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên truy tố bị cáo Nguyễn Văn Th về tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự; truy tố Trịnh Xuân Ch về tội "*Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn*" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 262 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ khả năng nhận thức điều khiển được hành vi. Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm vào những quy định của Nhà nước về an toàn giao thông đường bộ, xâm phạm đến tính mạng của ông Giáp Văn Q được pháp luật bảo vệ. Do đó, cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Thạo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho bị hại; nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông có một phần lỗi của bị hại; đại diện hợp pháp của bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Th. Bị cáo Ch phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, áp dụng điểm b, điểm s Khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Thạo; áp dụng điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Chín, khi cân nhắc hình phạt.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Sau khi xem xét hành vi, động cơ, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thấy: Bị cáo Trịnh Xuân Ch có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo Th năm 2017 bị xét xử về tội đánh bạc nhưng cho hưởng án treo, đến nay bị cáo đã được xóa án tích. Nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông một phần do lỗi của bị hại; đại diện bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thạo. Bị cáo Thạo có 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51, 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Các bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Xét thấy, việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng

xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhằm đề cao chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho các bị cáo sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội. Do vậy chưa cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự là đủ để các bị cáo lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện bản thân làm người có ích cho gia đình và xã hội.

[7] *Xét về hình phạt bổ sung*:

[7.1] Bị cáo Th nghề nghiệp lái xe, ngoài hình phạt chính, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Th để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7.2] Nghề nghiệp bị cáo Ch là lái xe, do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo Th đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm; bị cáo Ch không yêu cầu bị cáo Th bồi thường do bị hỏng xe ô tô, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về vật chứng:*

[9.1] 01 xe mô tô biển kiểm soát 98L5-8500 là tài sản của ông Giáp Văn Q không liên quan đến hành vi phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại người đại diện hợp pháp của ông Q.

[9.2] 01 xe ô tô khách biển kiểm soát 20B- 001.96 là tài sản của bị cáo Trịnh Xuân Ch, là vật cấm lưu hành căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[10] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định của pháp luật.

[11] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1.*Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt:*

1.1.Căn cứ điểm a Khoản 1, khoản 5 Điều 260; các điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm 08 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung: Cấm bị cáo hành nghề lái xe 01 (một) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 262; các điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Xuân Ch 01 (một) năm tù về tội Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02(hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trịnh Xuân Ch cho Ủy ban nhân dân thị trấn Th, huyện H, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Th đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường; bị cáo Ch không yêu cầu bị cáo Th bồi thường do xe ô tô bị hỏng, Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe ô tô khách nhãn hiệu Huyndai màu trắng đỏ BKS 20B- 001.96 loại xe 47 chỗ ngồi số máy D6CA2054986, số khung KMJRJ18SP2C908139.

3.2. Trả lại đại diện hợp pháp của bị hại 01 xe mô tô nhãn hiệu Naori màu đỏ BKS 98L5- 8500, số máy VUMHTYG150FMH4C404441, số khung VHTDCH0S4UM004397.

(*Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08 tháng 8 năm 2024 giữa Công an thị xã V và Chi cục thi hành án dân sự thị xã V*)

4**.** *Về án phí:* Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Văn Th, Trịnh Xuân Ch, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ các Điều 331, 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ

liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- VKSND TX V;
- CCTHADS TX V;
- Lưu HS.VP;
-Công an TX V;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã L;
- UBND thị trấn Th.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hương

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 08 tháng 8 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi……. giờ …….. phút ngày 08 tháng 8 năm 2024
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lại

Ông Nguyễn Quang Kim

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 143/2024/TLST- HS ngày 21 tháng 6 năm 2024, đối với :

1.Bị cáo Nguyễn Văn Thạo, sinh năm 1988, tại thôn Tứ, xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"*

2.Bị cáo Trịnh Xuân Chín, sinh năm 1971; tại Tổ dân phố Dinh Hương, thị trấn Thắng, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang phạm tội "*Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn*"

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp phải tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên thu thập đều đúng trình tự thủ tục quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về tội danh:

Đủ căn cứ kết tội bị cáo Nguyễn Văn Thạo phạm tội "*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* ; bị cáo Trịnh Xuân Chín phạm tội Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về điều luật áp dụng

Căn cứ điểm a Khoản 1, khoản 5 Điều 260, điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Thạo.

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 262, điểm i, s Khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trịnh Xuân Chín.

Căn cứ điểm a Khoản 2 Điều 136, các Điều 292, 293, 331; 332, 333; 336, 337, của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-

12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về mức hình phạt:

***Xử phạt*:**

5.1.Bị cáo Nguyễn Văn Thạo 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm 08 (tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

5.2. Bị cáo Trịnh Xuân Chín 01 (một) năm tù về tội Đưa vào sử dụng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không bảo đảm an toàn nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02(hai) năm kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Các vấn đề khác:

6.1.Giao bị cáo Nguyễn Văn Thạo cho Ủy ban nhân dân xã Lương Phong, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6.2. Giao bị cáo Trịnh Xuân Chín cho Ủy ban nhân dân thị trấn Thắng huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6.3.Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

6.4.Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6.5. *Về trách nhiệm dân sự:* Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, đại diện bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, bị cáo Chín không yêu cầu bị cáo Thạo bòi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

6.6. Về vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

6.6.1. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe ô tô BKS 20B- 001.96.

6.6.2. Trả lại đại diện hợp pháp của bị hại 01 xe mô tô BKS 98L5 -8500.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày .... tháng ... năm 2024 giữa Công an thị xã Việt Yên và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên)

6.7**.** *Về án phí:* Các bị cáo Nguyễn Văn Thạo, Trịnh Xuân Chín, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

6.8. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ ..... phút ngày 08 tháng 8 năm 2024

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên./

HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
Nguyễn Thị Lại- Nguyễn Quang Kim	**Bùi Thị Hương**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN TỈNH BẮC GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 274/2021/HSST-QĐ	*Việt Yên, ngày 24 tháng 12 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn
Ông Nguyễn Ngọc Vân

Căn cứ vào các điều 109, 113, 119, và 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 24 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần thiết tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm cho việc thi hành án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Tạm giam bị cáo:** Vi Văn Sự, sinh năm 2001;

Nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Trung Thịnh, thị trấn Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Công nhân;

Bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt: 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản; 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho 02 tội là 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/9/2021.

Theo điểm c khoản 2 Điều 173, khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Thời hạn tạm giam là: 45 ngày kể từ ngày tuyên án (tức 24/12/2021)

2. Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Trại tạm giam;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hương